

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HS-ST
Ngày 04 - 3 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Đoàn Ngọc Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thỏa, ông Thào Mí Chá.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạng là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Ma Phúc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2021/TLST-HS ngày 03/02/2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HS ngày 19/02/2021, đối với các bị cáo:

1. Lù Mí T, sinh năm 1981, tại xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn L 1, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lù Sé X (đã chết) và bà Vừ Thị D; sinh năm: 1956; có vợ: Chảo Thị M; sinh năm 1981 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Bị cáo bị bắt ngày 18/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Vừ Mí C, sinh năm 1994, tại xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn L 3, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vừ Xúa L (đã chết) và bà Sùng Thị D (đã chết); có vợ: Sùng Thị X; sinh năm 1998 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt. Bị cáo bị bắt ngày 16/9/2020 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

3. Vàng Mí C1, sinh năm 1990, tại xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn N 3, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Vàng Xúa L (đã chết) và bà Sùng Thị M, sinh năm 1965; có vợ: Vừ Thị K; sinh năm 1989 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Bị cáo bị bắt ngày 16/9/2020 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

4. Sùng Thị X, sinh năm 1998, tại xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn L 3, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng Mí T, sinh năm 1979 và bà Lù Thị S, sinh năm 1978; có chồng: Vừ Mí C; sinh năm 1994 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Vừ Mí N, sinh năm 1988, tại xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn L 2, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vừ Chè Q, sinh năm 1953 và bà Vàng Thị S, sinh năm 1952; có vợ: Lù Thị X; sinh năm 1988 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lù Mí T: Ông Cao Xuân Bé là Luật sư, cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Vàng Mí C1, Vừ Mí C, Sùng Thị X: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Vừ Mí N: Ông Nguyễn Xuân Giang là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Bị hại: Ông Vàng Mí S; sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Lù Thị X, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Thôn L 2, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt

2. Bà Chảo Thị M, sinh năm: 1981; nơi cư trú: Thôn L 1, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Người phiên dịch tiếng dân tộc Mông: Ông Cháng Văn M; nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 8 năm 2020, Lù Mí T có nhờ cháu họ mình là Sùng Thị X sinh năm 1998, trú tại Thôn L 3, xã L giúp làm quen, kết bạn với Vàng Mí S sinh năm 1993, trú tại thôn N, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang qua mạng xã hội (*Facebook, Zalo*) là người trước đó có mâu thuẫn tình cảm trong việc cả hai người cùng yêu một phụ nữ tên là Mua Thị M sinh năm 1996, trú tại xã X, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; mục đích dụ dỗ Vàng Mí S đến địa bàn huyện Y, để T lấy điện thoại di động của S xóa video và ảnh trong máy điện thoại, vì trước đó T gửi ảnh, video nhạy cảm yêu đương của T với M cho S với mục đích cho S tức và thôi không theo đuổi M nữa nhưng giờ sợ bị lộ ảnh ra ngoài sẽ ảnh hưởng đến công việc. Sau khi có số điện thoại, X chủ động nhắn tin nói chuyện với S. Sáng ngày 09/8/2020, X cùng chồng là Vừ Mí C sinh năm 1994 đi lên nhà dì Lù Thị M, trú tại xã L, huyện M, tỉnh Hà Giang; sau đó đi chợ xã L, huyện Đ thì S gọi điện thoại cho X để hẹn gặp nhau, X đồng ý rồi gọi điện thoại cho T để hỏi ý kiến; nghe vậy, T đồng ý cho X và S gặp nhau đồng thời gọi điện thoại cho C để báo và nhờ C cho X đi gặp; sau đó X và S thường xuyên liên lạc điện thoại với nhau và thống nhất gặp nhau tại xã M, huyện Y. Chiều ngày 09/8/2020, T điều khiển xe máy qua đón và nhờ Vàng Mí C1 sinh năm 1990, trú tại Thôn N 3 cùng xã L đi giúp đánh nhau tại xã M. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Lù Mí T, Vàng Mí C1 gặp hai vợ chồng X, C ở khu vực gần cây xăng thuộc thôn P, xã M, huyện Y. Tại đây, X tiếp tục liên lạc với S và điều khiển xe máy đi trước gặp S tại khu vực đổ đất đường hướng ra huyện Y cách ngã ba đường lên UBND xã M khoảng 100m, hai người gặp nhau nói chuyện thống nhất đi ngồi nói chuyện và tâm sự tại địa điểm cột thu phát sóng điện thoại di động thuộc thôn N, xã M, huyện Y. Cả hai xuất phát đi theo hướng vào xã N, để lên trạm thu phát sóng điện thoại trên; còn Lù Mí T, Vừ Mí C, Vàng Mí C1 cùng ngồi trên một xe máy đi theo sau. Đến địa điểm như đã hẹn, X và S cùng nhau đi lên ngồi nói chuyện, tâm sự được khoảng 05 phút thì T, C và C1 đi đến. Lúc này, C túm cổ áo S dùng tay đâm vào vùng mặt S một phát, S cũng dùng tay đâm lại C một phát. Khi đó, C nói “mày là ai? Sao mày tán vợ tao?”, cả hai người giằng co ngã xuống đất, rồi C lao đến dùng tay đâm hai phát vào vùng ngực của S; lúc này, T đi đến gặp X nói “mày đi xuống trước đi”, nghe vậy, X đi xuống khu vực ngã ba đường rẽ chờ mọi người xong việc để đi về nhà. C vẫn đang vật lộn với S làm cả hai ngã xuống đoạn đường mòn bên dưới cách địa điểm X, S ngồi nói chuyện 12m thì dừng lại; lúc đó, Lù Mí T lao đến dùng tay túm tóc S kéo đứng dậy, còn C và C1 mỗi người một bên giữ một tay S để không chế và T hỏi “mày là ai? Người ở đâu đến đây? Có điện thoại giấy tờ gì không?” (*khi đó T có đeo khẩu trang*), đồng thời dùng tay lục soát túi quần của S và lấy trên người S được 01 điện thoại di động màu vàng nhạt loại cảm ứng nhãn hiệu Iphone, 01 điện thoại di động màu đen – đỏ loại bàn phím, nhãn hiệu mobiistar và 01 ví da màu đen bên trong có 1.502.000^d (*một triệu năm trăm linh hai nghìn đồng*); 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 đăng ký mô tô, xe máy và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô, xe máy đều mang tên Vàng Mí S. Sau khi lấy được số tài sản trên, T đi lên trước và bảo C, C1 đưa S lên trên để nói chuyện; khi đó, vì quá hoảng sợ, lợi dụng sơ hở nên Vàng Mí S bỏ chạy; thấy vậy, Vàng Mí C1 và Vừ Mí C đuổi theo; trong lúc truy đuổi C1 có lấy trong người ra 01 côn nhĩ khúc đe

dọa, đuổi theo nhưng không kịp, chạy thoát được Vàng Mí S đã đến Công an xã M, huyện Y trình báo sự việc; sau khi đuổi không kịp, C1 đi bộ xuống đường trước, còn C quay lại chỗ để xe máy của S dùng chân, tay đập phá, đập đổ làm hỏng phần vỏ nhựa của xe và bẻ gãy rời biển số của xe vứt ra khu vực gần đó. Sau khi lấy được số tài sản trên và truy đuổi không kịp Vàng Mí S, thì T, C1, C, X quay về xã L, huyện Y và vào ngôi mua nước uống tại quán bán hàng tạp hóa ở trung tâm xã L, huyện Y. Trong khi đang uống nước, Lù Mí T chia số tài sản vừa lấy được của S cho Sùng Thị X 1.000.000^d (một triệu đồng); đưa cho Vừ Mí C 01 điện thoại di động loại đen trắng hãng mobiistar; đưa cho Vàng Mí C1 400.000^d (bốn trăm nghìn đồng), trả tiền nước uống hết khoảng 100.000^d (một trăm nghìn đồng). Còn 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone và chiếc ví bên trong có giấy tờ cá nhân mang tên Vàng Mí S do T cất giữ, sau đó mọi người đi về nhà. Đến ngày 10/9/2020, nghi sự việc bị lộ, T gọi X, C, C1 và vợ chồng em rể là Vừ Mí N và Lù Thị X cùng sinh năm 1988, trú tại Thôn L 2, xã L đến nhà ăn cơm tối, có cả vợ của T là Chảo Thị M ở nhà; khi đó T có kể chuyện và nhờ Vừ Mí N nhận tội thay T trong sự việc cướp tài sản vào ngày 09/8/2020 nếu cơ quan Công an có hỏi đến; đồng thời bảo C, X, C1 khai báo thay tên T bằng tên N; nghe vậy Vừ Mí N nhất trí; đến ngày 11/9/2020, Lù Mí T điều khiển xe máy đưa N đi xem và chỉ hiện trường, kể lại sự việc cướp tài sản tại thôn N, xã M, huyện Y vào ngày 09/8/2020, mục đích cho N biết nội dung để khai báo. Vì vậy, ngày 15/9/2020, trong quá trình khai báo với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang, Vừ Mí N đã khai báo che giấu hành vi phạm tội cướp tài sản của Lù Mí T bằng cách nhận tội thay theo như hướng dẫn của Lù Mí T; chỉ đến bản lời khai thứ ba, trước sự truy xét quyết liệt của cơ quan điều tra, biết không thể che giấu được và sợ bị bắt giam nên Vừ Mí N mới xin khai báo lại nội dung vụ việc.

Kết quả điều tra xác minh xác định từ ngày 10/9/2020, sau khi Vừ Mí N biết nội dung sự việc cướp tài sản của Lù Mí T và đồng phạm đến ngày 15/9/2020 khi được Cơ quan điều tra mời làm việc liên quan nội dung vụ án trên, Vừ Mí N tình trạng sức khỏe, tinh thần bình thường và chỉ sinh hoạt tại gia đình thuộc Thôn L 2, xã L, huyện Y; Vừ Mí N đủ điều kiện để tố giác tội phạm nhưng không tố giác tội phạm với cơ quan, tổ chức nào về hành vi phạm tội của Lù Mí T cùng đồng phạm mà còn cố ý che giấu bằng cách nhận tội thay cho Lù Mí T do đó gây cản trở việc phát hiện, điều tra xử lý người phạm tội và gây khó khăn nhất định cho quá trình điều tra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 17/KL-HĐĐGTS ngày 27/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự UBND huyện Y, kết luận 02 chiếc điện thoại Lù Mí T cùng đồng phạm cướp được của bị hại Vàng Mí S có tổng giá trị là 2.170.000^d (hai triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 18/KL-HĐĐGTS ngày 27/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự UBND huyện Y, kết luận phần hư hỏng xe máy của bị hại Vàng Mí S do hành vi đập phá của Vừ Mí C gây ra có tổng giá trị là 1.660.000^d (một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

Đối với thương tích của Vàng Mí S bị các bị cáo Vừ Mí C, Vàng Mí C1, Lù Mí T đánh gây ra, quá trình điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định tỷ lệ tổn thương nhưng ngày 02/12/2020, Vàng Mí S đã có đơn xin từ chối giám định.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân số 073389953; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 017722; 01 thẻ ngân hàng Agribank, số 9704050761783559; 01 giấy phép lái xe số 0201334000198; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô, xe máy số 00571660, các giấy tờ trên đều mang tên Vàng Mí S; 01 ví da màu đen mặt ngoài có ghi chữ (Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Độc lập tự do hạnh phúc. Giấy phép lái xe); 01 điện thoại di động màu vàng nhạt loại cảm ứng nhãn hiệu iphone; 01 điện thoại di động màu đen - đỏ loại bàn phím, nhãn hiệu Mobistar; 01 xe mô tô biển kiểm soát 23B1-239.24 nhãn hiệu Hon Da, số loại WAVE RSX, màu sơn trắng, các bộ phận xe mô tô bị hỏng gồm: Yếm xe bên trái bị vỡ, đèn tín hiệu xi nhan bên trái bị vỡ, chấn bunn phía sau bị thủng 01 lỗ tại vị trí gắn biển số. Quá trình điều tra, xét thấy không cần thiết tiếp tục tạm giữ số vật chứng trên nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu anh Vàng Mí S theo Quyết định xử lý vật chứng số: 16/QĐ, ngày 02/12/2020.

Đối với các vật chứng gồm: 01 chiếc điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu xanh - đen, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 chiếc điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu vàng - trắng, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 xe mô tô BKS 23M1-033.30, màu sơn xanh - trắng, nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 chiếc côn nhị khúc bằng kim loại (dạng inox) màu bạc, chiều dài thân côn là 30cm, có dán băng dính màu đen ở thân côn, dây nối hai thân côn bằng kim loại dạng dây xích. Hiện được bàn giao cho cơ quan Thi hành án dân sự huyện Y tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/2/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 18/12/2020, bị cáo Lù Mí T, Vừ Mí C đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong cho bị hại Vàng Mí S tổng số tiền là 3.354.000^d (ba triệu ba trăm năm mươi tư nghìn đồng). Tại phiên tòa bị hại Vàng Mí S không có đề nghị bồi thường gì thêm về phần dân sự và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKS-YM ngày 01/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Y để xét xử các bị cáo Lù Mí T, Vừ Mí C, Vàng Mí C1, Sùng Thị X về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Vừ Mí N về tội “Che giấu tội phạm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 389 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng đã nêu. Các bị cáo T, C và C1 thừa nhận đã thực hiện hành vi khi đánh thì bị cáo C, C1 mỗi người giữ một tay khống chế bị hại để bị cáo T lấy tài sản như lời khai của bị hại tại phiên tòa.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lù Mí T, Vừ Mí C, Vàng Mí C1, Sùng Thị X, phạm tội “Cướp tài sản”; tuyên bố bị cáo Vừ Mí N phạm tội “Che giấu tội phạm”.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lù Mí T, Vừ Mí C để xử phạt bị cáo T từ 4 đến 5 năm tù, bị cáo C từ 3 đến 4 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Vàng Mí C1 để xử phạt bị cáo C1 từ 3 đến 4 tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Sùng Thị X để xử phạt bị cáo X 3 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Vừ Mí N để xử phạt bị cáo N từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Lù Mí T, Vừ Mí C với bị hại Vàng Mí S đã thỏa thuận bồi thường xong, nên không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị là 01 chiếc côn nhị khúc bằng kim loại (dạng inox) màu bạc. Trả lại cho bị cáo Lù Mí T 01 chiếc điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu xanh - đen, điện thoại đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu vàng - trắng, điện thoại đã qua sử dụng; 01 xe mô tô BKS 23M1-033.30, màu sơn xanh - trắng, nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí cho các bị cáo.

Những người bào chữa cho các bị cáo đều nhất trí về tội danh như Viện kiểm sát đã truy tố.

Người bào chữa cho bị cáo Lù Mí T nhất trí với điều luật, các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo T 3 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo Vừ Mí C, Vàng Mí C1, Sùng Thị X nhất trí với điều luật, các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo C, bị cáo C1 3 (ba) năm tù; xử phạt

bị cáo X 3 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 (năm) năm, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Vừ Mí N nhất trí với điều luật, các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 10 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập và án phí cho bị cáo.

Ý kiến đối đáp của Kiểm sát viên: Căn cứ hành vi phạm tội của bị cáo T đã thực hiện, nguyên nhân, mục đích, vị trí, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo T và đề nghị mức hình phạt là phù hợp. Do đó, không chấp nhận ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Lù Mí T đề nghị áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo T 3 năm tù, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị mức hình phạt đã đề nghị đối với bị cáo.

Về tội danh, áp dụng điều luật và mức hình phạt đối với các bị cáo còn lại, không có ý kiến tranh luận do những người bào chữa cho các bị cáo C, C1, X và bị cáo N có cùng quan điểm với Viện kiểm sát nên Kiểm sát viên không có ý kiến.

Kiểm sát viên, những người bào chữa và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến đối đáp, tranh luận thêm.

Các bị cáo, bị hại đều nhất trí luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến đối đáp tranh luận gì, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và miễn án phí cho các bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình đã sai, vi phạm pháp luật, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo sớm có cơ hội quay về với gia đình, hòa nhập với cộng đồng, trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, nghe lời khai của các bị cáo, bị hại, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của những người bào chữa và người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát và tài liệu do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y thu thập; những người bào chữa, bị can, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng cung cấp, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng

của Điều tra viên, Kiểm sát viên, tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y thu thập; những người bào chữa, bị can, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng cung cấp trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai và lời nhận tội của các bị cáo trước tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo, bị hại, những người làm chứng, các kết luận định giá tài sản số: 17, 18/ KL-HĐĐGTS ngày 27/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Y, ngoài ra còn phù hợp với biên bản xác định hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra cùng với toàn bộ chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[3] Như vậy, đã có đủ cơ sở để khẳng định, hành vi phạm tội của các bị cáo Lù Mí T, Vừ Mí C, Vàng Mí C1 và Sùng Thị X như sau: Khoảng đầu tháng 8 năm 2020, bị cáo Lù Mí T đã nhờ cháu họ của mình là Sùng Thị X làm quen giả vờ yêu đương với Vàng Mí S (đóng giả như một vụ ngoại tình), nên khoảng 18 giờ 30 phút ngày 09/8/2020, Vàng Mí S và Sùng Thị X đang ngồi nói chuyện với nhau tại khu vực cột thu phát sóng điện thoại di động thuộc thôn N, xã M, huyện Y thì các bị cáo Lù Mí T, Vừ Mí C, Vàng Mí C1 lao tới và thực hiện hành vi dùng vũ lực thông qua việc dùng tay đánh và túm tóc đe dọa, làm cho Vàng Mí S không có khả năng kháng cự lại để chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại di động và 01 chiếc ví bên trong có 1.502.000^d cùng một số giấy tờ đều mang tên Vàng Mí S, tổng giá trị tài sản các bị cáo Lù Mí T, Vừ Mí C, Vàng Mí C1 và Sùng Thị X chiếm đoạt của Vàng Mí S là 3.672.000^d (ba triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng); do đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Lù Mí T, Vừ Mí C, Vàng Mí C1 và Sùng Thị X đã phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

[4] Như vậy, đã có đủ cơ sở để khẳng định, hành vi phạm tội của bị cáo Vừ Mí N, tuy không hứa hẹn trước nhưng sau khi được Lù Mí T kể lại sự việc chiếm đoạt tài sản và nhờ N nhận tội thay cho T thì Vừ Mí N đã nhất trí; từ đó đến ngày 15/9/2020, tuy có đủ điều kiện để tố giác tội phạm nhưng Vừ Mí N đã không tố giác tội phạm với cơ quan, tổ chức nào về hành vi phạm tội của Lù Mí T cùng đồng phạm mà khi được cơ quan điều tra Công an huyện Y triệu tập lấy lời khai đã cố ý thực hiện hành vi che giấu người phạm tội bằng cách nhận tội thay cho Lù Mí T; chỉ đến bản lời khai thứ ba, trước sự truy xét quyết liệt của cơ quan điều tra, biết không thể che giấu được và sợ bị bắt giam nên Vừ Mí N mới xin khai báo lại nội dung vụ việc chiếm đoạt tài sản là do Lù Mí T cùng đồng phạm thực hiện; do đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Vừ Mí N đã phạm tội “Che giấu tội phạm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 389 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y là có căn cứ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lù Mí T, Vừ Mí C, Vàng Mí C1, Sùng Thị X phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị

cáo Vừ Mí N phạm tội “Che giấu tội phạm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 389 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo Lù Mí T, Vừ Mí C, Vàng Mí C1, Sùng Thị X là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, trong khi các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự do vậy phải nhận thức được rằng quyền về tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, nên phải xử lý các bị cáo bằng biện pháp hình sự với mức án đủ nghiêm, tương xứng với vai trò, hành vi, hậu quả mà các bị cáo đã thực hiện nhằm răn đe và giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội đồng thời có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Về vai trò phạm tội: Các bị cáo phạm tội không có tổ chức, chỉ là đồng phạm giản đơn, bị cáo T là người chủ động, khởi xướng đồng thời là người thực hành tích cực chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị là 3.672.000^d nên phải chịu trách nhiệm cao nhất; các bị cáo C, C1, X là đồng phạm với vai trò là người giúp sức, tuy nhiên các bị cáo C, C1 là người tích cực hơn khi có hành vi dùng vũ lực đánh và giữ tay không chế bị hại để bị cáo T lấy tài sản, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm bằng nhau sau bị cáo T; đối với bị cáo X tham gia với vai trò là người giúp sức trong việc giả vờ làm quen yêu đương gặp gỡ với bị hại để T, C, C1 tiếp cận chiếm đoạt tài sản nên X phải chịu trách nhiệm sau cùng của hành vi chiếm đoạt tài sản; áp dụng Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Về tính chất, vai trò hành vi phạm tội của bị cáo Vừ Mí N là đã tự mình thực hiện hành vi phạm tội, hành vi của bị cáo đã xâm phạm vào sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan nhà nước trong hoạt động tố tụng hình sự, được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý, với thủ đoạn nhận tội thay nhằm che giấu người phạm tội và tội phạm đã xảy ra, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình đã thực hiện nhằm răn đe và giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, biết tuân thủ pháp luật đồng thời có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

[9] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[10] Về các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đối với bị cáo T, C do đã bồi thường xong cho bị hại với số tiền 3.354.000^d (ba triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng) nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[11] Về nhân thân các bị cáo: Các bị cáo đều có nhân thân tốt vì chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu.

[12] Đối với bị cáo Sùng Thị X có chồng là bị cáo Vũ Mí C trong vụ án, hiện bị cáo đang nuôi hai con còn nhỏ, mặt khác ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù và có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo như Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo đã đề nghị là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo được sự giáo dục, cải tạo đối với bị cáo.

[13] Đối với bị cáo Vũ Mí N chỉ vì muốn giúp đỡ bị cáo T (anh vợ) khi được nhờ nên đã nhận tội thay, tuy nhiên sau đó bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã khai báo thành khẩn, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, nên áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt cải tạo không giam giữ, miễn khẩu trừ thu nhập như Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo đã đề nghị là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo được sự giáo dục, cải tạo đối với bị cáo.

[14] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Lù Mí T, Vũ Mí C, Vàng Mí C1, Sùng Thị X theo quy định tại khoản 6 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[15] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[16] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên, những người bào chữa cho các bị cáo: Căn cứ nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, vai trò, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, những người bào chữa cho các bị cáo Vũ Mí C, Vàng Mí C1, Sùng Thị X và bị cáo Vũ Mí N; không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Lù Mí T, áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo T 3 năm tù.

[17] Đối với bị cáo Vũ Mí C đã có hành vi cố ý đập phá chiếc xe máy của bị hại, làm hư hỏng thiệt hại tài sản có giá trị là 1.660.000^d; xét thấy chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện Y đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 21/QĐ-XPHC ngày 05/01/2021 về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản theo điểm a khoản 2 Điều 15 Nghị định số: 167/2013/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 của Chính phủ là thỏa đáng nên được chấp nhận.

[18] Đối với các bị cáo Vũ Mí C, Vàng Mí C1 và Lù Mí T đã có hành vi đánh bị hại gây thương tích; tuy nhiên trong quá trình điều tra bị hại đã có đơn xin từ chối giám định xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể, do vậy không có căn cứ để xử lý là phù hợp, đúng quy định của pháp luật, nên không đề cập giải quyết.

[19] Đối với Chảo Thị M và Lù Thị X là vợ và em gái ruột của bị cáo Lù Mí T, tối ngày 10/9/2020 được T kể cho biết việc cùng các đồng phạm đã thực

hiện hành vi cướp tài sản, nhưng sau đó không có hành vi che giấu tội phạm; việc cơ quan điều tra không đề cập xử lý Chảo Thị M và Lù Thị X về hành vi không tố giác tội phạm là có căn cứ, nên không đề cập giải quyết.

[20] Đối với các vật chứng Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu Vàng Mí S theo Quyết định xử lý vật chứng số: 16/QĐ, ngày 02/12/2020 là đúng quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

[21] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 xử lý như sau:

[22] Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng là 01 chiếc côn nhị khúc bằng kim loại (dạng inox) màu bạc, chiều dài thân côn là 30cm, có dán băng dính màu đen ở thân côn, dây nối hai thân côn bằng kim loại dạng dây xích.

[23] Trả lại cho bị cáo Lù Mí T 01 chiếc điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu xanh - đen, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 chiếc điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu vàng - trắng, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 xe mô tô BKS 23M1-033.30, màu sơn xanh - trắng, nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

[24] Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị Lù Mí T, Vừ Mí C, Vàng Mí C1, Sùng Thị X phạm tội “Cướp tài sản”; bị cáo Vừ Mí N phạm tội “Che giấu tội phạm”.

2. Hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

+ Xử phạt bị cáo Lù Mí T 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 18/9/2020;

+ Xử phạt bị cáo Vừ Mí C 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 16/9/2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Vàng Mí C1 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 16/9/2020.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quyết định tạm giam các bị cáo Lù Mí T, Vừ Mí C, Vàng Mí C1 mỗi bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Sùng Thị X 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Sùng Thị X cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Sùng Thị X có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang và người được phân công trong việc giám sát, giáo dục người được án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Vừ Mí N 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Vừ Mí N tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang nhận được Bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo Vừ Mí N cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục; Gia đình bị cáo Vừ Mí N có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người chấp hành án vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Miễn khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo Vừ Mí N.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc côn nhị khúc bằng kim loại (dạng inox) màu bạc, chiều dài thân côn là 30cm, có dán băng dính màu đen ở thân côn, dây nối hai thân côn bằng kim loại dạng dây xích.

- Trả lại cho bị cáo Lù Mí T 01 chiếc điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu xanh - đen, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 chiếc điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu vàng - trắng, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 xe mô tô BKS 23M1-033.30, màu sơn xanh - trắng, nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/02/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hà Giang).

4. Án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lù Mí T, Vừ Mí C, Vàng Mí C1, Sùng Thị X và Vừ Mí N.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PC 10, PC 11, PV 06 Công an tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Cơ quan THA huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các bị cáo; bị hại;
- Lưu hsva, hstha, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Đoàn Ngọc Vĩnh